



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

MỤC LỤC

| | Trang |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Hội đồng quản trị | 2 - 4 |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập | 5 - 6 |
| 4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 7 - 10 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 11 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 12 - 13 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 14 - 38 |
| 8. Phụ lục | 39 - 41 |

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bé tông 6 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Bé tông 6 (tiền thân là Công ty Cổ phần Bé tông 620 Châu Thới) là doanh nghiệp được cổ phần hoá từ doanh nghiệp Nhà nước – Công ty Bé tông 620 theo Quyết định số 41/2000/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700364079 (số cũ 4603000013), đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 01 năm 2001 và đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 12 tháng 05 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Km 1877 quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương
- Điện thoại : +84 (0274) 357 1617 – 375 0650
- Fax : +84 (0274) 375 1628

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất và lắp ghép cấu kiện bê tông đúc sẵn (dầm, cọc..);
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại (không gia công cơ khí tại trụ sở chính trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại);
- Gia công và sửa chữa các dụng cụ, máy móc, thiết bị cơ khí dùng cho ngành xây dựng (trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại);
- Sửa chữa thiết bị điện (trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại);
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Xây dựng nhà các loại;
- Đầu tư, thi công cầu cống, đường giao thông và các hạng mục có liên quan đến công trình đường bộ, đường sắt;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Đào đắp, san lấp mặt bằng công trình;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Thi công ép cọc, khoan cọc nhồi, xử lý nền móng công trình; —
- Dịch vụ vận chuyển sản phẩm bê tông thương, bê tông tươi và bê tông siêu trường, siêu trọng (chỉ hoạt động khi đáp ứng các quy định pháp luật về vận tải);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Thiết kế công trình xây dựng giao thông (cầu, đường bộ), thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, thiết kế máy móc và thiết bị (trừ phương tiện vận tải);
- Kiểm tra thành phần và độ tinh khiết của khoáng chất, kiểm tra thành phần vật lý và hiệu suất của vật liệu, kiểm tra chất lượng và độ tin cậy.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/Miễn nhiệm |
|-----------------------|------------|----------------------------------------|
| Ông Trịnh Thanh Huy | Chủ tịch | Tái bổ nhiệm ngày 03 tháng 01 năm 2022 |
| Ông Lê Nguyễn Phương | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2021 |
| Ông Trương Lê Minh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2021 |
| Ông Nguyễn Xuân Vinh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2021 |
| Bà Lê Thị Hải Ninh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2021 |
| Ông Nguyễn Quang Minh | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2021 |

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm |
|-------------------------|------------|--------------------------------------|
| Bà Phạm Thị Thanh Thủy | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 17 tháng 01 năm 2022 |
| Bà Lê Thị Kim Đồng | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2021 |
| Bà Lê Ngọc Diễm Phương | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2021 |
| Bà Bùi Thọ Quỳnh Hương | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2021 |
| Bà Phạm Thị Hằng | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2021 |
| Bà Phạm Thị Khánh Trang | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2021 |

Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc của Công ty là Ông Lê Nguyễn Phương (bổ nhiệm ngày 23 tháng 9 năm 2019).

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Nguyễn Phương – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 23 tháng 9 năm 2019).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN BETON 6
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Trịnh Thanh Huy
Chủ tịch

Ngày 07 tháng 7 năm 2022



A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Head Office : 02 Trung Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam
Branch in Nha Trang : Lot STH 05A.01, St. No.13, Le Hong Phong II Urban Area, Nha Trang City, Vietnam
Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam

Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn
Tel: +84 (024) 3736 7879 kttv.hn@a-c.com.vn
Tel: +84 (0258) 246 5151 kttv.nt@a-c.com.vn
Tel: +84 (0292) 376 4995 kttv.ct@a-c.com.vn



www.a-c.com.vn

Số: 1.1208/22/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Beton 6 (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 07 tháng 7 năm 2022, từ trang 07 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán trái ngược của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán trái ngược

Chúng tôi chưa thu thập được các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp liên quan đến các vấn đề sau:

- Số dư của một số khoản công nợ có giá trị theo sổ sách tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

| | |
|-------------------------------------|--------------------|
| - Phải thu khách hàng | 80.883.265.412 VND |
| - Trả trước cho người bán ngắn hạn | 69.519.191.266 VND |
| - Phải trả người bán ngắn hạn | 58.648.684.376 VND |
| - Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 34.412.331.165 VND |
- Khả năng thu hồi các khoản công nợ phải thu quá hạn thanh toán và các khoản ứng trước cho nhà cung cấp tồn lâu với số tiền theo sổ sách lần lượt là 55.241.352.896 VND và 71.990.134.037 VND cũng như số dự phòng cần phải trích lập cho các nợ phải thu quá hạn này, nếu có.



CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 250.676.553.958 | 308.360.846.965 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 1.559.780.921 | 1.704.424.258 |
| 1. Tiền | 111 | | 921.572.768 | 1.087.930.931 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 638.208.153 | 616.493.327 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 195.276.729.100 | 232.452.452.337 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.2 | 327.477.644.702 | 324.421.852.687 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.3 | 72.594.320.567 | 72.414.531.407 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | V.4 | 75.166.947.757 | 75.166.947.757 |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5a | 61.123.773.080 | 61.189.542.723 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.6 | (341.085.957.006) | (300.740.422.237) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 53.830.577.943 | 74.181.504.373 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.7 | 57.337.849.333 | 77.688.775.763 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | V.7 | (3.507.271.390) | (3.507.271.390) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 9.465.994 | 22.465.997 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | - | 13.000.003 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | - | - |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.16 | 9.465.994 | 9.465.994 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| B- TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 347.565.498.315 | 354.455.872.908 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 1.307.353.411 | 1.307.353.411 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.5b | 1.307.353.411 | 1.307.353.411 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 100.790.130.990 | 108.319.481.311 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.9 | 100.389.416.711 | 102.807.432.429 |
| - Nguyên giá | 222 | | 181.523.998.410 | 178.565.670.052 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (81.134.581.699) | (75.758.237.623) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | V.10 | 400.714.279 | 5.512.048.882 |
| - Nguyên giá | 225 | | 2.498.685.762 | 13.264.879.268 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | (2.097.971.483) | (7.752.830.386) |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | | - | - |
| - Nguyên giá | 228 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | - | - |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| - Nguyên giá | 231 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 8.993.791.207 | 8.993.791.207 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.11 | 8.993.791.207 | 8.993.791.207 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 233.897.312.707 | 232.939.500.143 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | V.12 | 118.460.048.000 | 118.460.048.000 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | V.12 | 201.050.000.000 | 201.050.000.000 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | V.12 | 34.880.800.000 | 34.880.800.000 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | V.12 | (120.493.535.293) | (121.451.347.857) |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 2.576.910.000 | 2.895.746.836 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.8 | 2.576.910.000 | 2.895.746.836 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | V.13 | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 598.242.052.273 | 662.816.719.873 |

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 964.741.265.434 | 947.172.947.673 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 964.741.265.434 | 947.011.144.463 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.14 | 132.167.013.762 | 130.791.508.585 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.15 | 49.000.853.044 | 47.519.376.701 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.16 | 15.086.378.529 | 17.392.086.881 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | V.17 | 1.711.550.242 | 2.438.973.461 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.18 | 14.986.186.378 | 14.336.754.882 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.19a, b | 408.949.666.409 | 388.579.168.003 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.20a, c | 340.798.031.016 | 343.841.597.260 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.21 | 2.041.586.054 | 2.111.678.690 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | - | 161.803.210 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | - |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.20b, c | - | 161.803.210 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--------------------------------------------------------------|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | | |
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | (366.499.213.161) | (284.356.227.800) |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | (366.499.213.161) | (284.356.227.800) |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | V.22 | 329.935.500.000 | 329.935.500.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 329.935.500.000 | 329.935.500.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | V.22 | (559.957.325) | (559.957.325) |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | V.22 | 72.523.342.462 | 72.523.342.462 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | V.22 | (768.398.098.298) | (686.255.112.937) |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | (686.255.112.937) | (424.608.155.951) |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 421b | | (82.142.985.361) | (261.646.956.986) |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 598.242.052.273 | 662.816.719.873 |



Bình Dương, ngày 07 tháng 7 năm 2022


 Nguyễn Thị Ngọc Trâm
 Kế toán trưởng/Người lập


 Lê Nguyễn Phương
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------------------------------|-------|-------------|------------------|-------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 46.562.036.677 | 89.636.662.559 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 46.562.036.677 | 89.636.662.559 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 52.198.271.898 | 139.960.171.382 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | (5.636.235.221) | (50.323.508.823) |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 29.493.889 | 1.315.041.959 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 31.108.907.019 | 54.467.124.376 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 32.066.719.583 | 54.204.168.010 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | | - | - |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.5 | 46.376.178.599 | 155.926.110.597 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | (83.091.826.950) | (259.401.701.837) |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.6 | 1.001.430.413 | 645.451.120 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.7 | 52.588.824 | 2.890.706.269 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 948.841.589 | (2.245.255.149) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | (82.142.985.361) | (261.646.956.986) |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.16 | - | - |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | V.13 | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | (82.142.985.361) | (261.646.956.986) |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.8a,b | (2.496) | (7.951) |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.8a,b | (2.496) | (7.951) |


 Nguyễn Thị Ngọc Trâm
 Kế toán trưởng/Người lập



Bình Dương, ngày 07 tháng 7 năm 2022


 Lê Nguyễn Phương
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|----------------|----------------------|----------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | (82.142.985.361) | (261.646.956.986) |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | V.9, 10 | 7.494.625.685 | 8.637.198.097 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | V.6, 12 | 39.387.722.205 | 137.218.882.940 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | - | - |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | VI.3, 6 | (863.757.217) | (1.922.017.374) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | VI.4 | 32.066.719.583 | 54.204.168.010 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | (4.057.675.105) | (63.508.725.313) |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (2.335.511.532) | 40.718.895.579 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | 20.350.926.430 | 40.944.478.109 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | (10.849.532.777) | (12.360.830.949) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 331.836.839 | 385.261.148 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | V.18, 19; VI.4 | (373.406.955) | (227.248.949) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | - | - |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 3.066.636.900 | 5.951.829.625 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (35.368.000) | (5.700.000) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | 1.597.171.440 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | - |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | VI.3 | 29.457.217 | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (5.910.783) | 1.591.471.440 |

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊTÔN 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương


BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | | |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | V.20a | 4.067.025.035 | 18.637.000.000 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | V.20a | (5.735.000.000) | (24.340.628.558) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | V.20a,b | (1.537.394.489) | (1.968.157.510) |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | - | - |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i> | <i>40</i> | | <i>(3.205.369.454)</i> | <i>(7.671.786.068)</i> |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | (144.643.337) | (128.485.003) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 1.704.424.258 | 1.832.909.261 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | 1.559.780.921 | 1.704.424.258 |

Bình Dương, ngày 07 tháng 7 năm 2022


Nguyễn Thị Ngọc Trâm
Kế toán trưởng/Người lập




Lê Nguyễn Phương
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Beton 6 (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn và xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất và lắp ghép cấu kiện bê tông đúc sẵn (dầm, cọc,...); sản xuất các loại vật liệu xây dựng; xây dựng các công trình giao thông, cầu cống, đường bộ, bến cảng; nạo vét, bồi đắp mặt bằng, đào đắp, thi công nền móng công trình, thi công bằng phương pháp khoan nổ mìn; xây dựng các công trình công nghiệp; dịch vụ vận chuyển sản phẩm bê tông tươi siêu trường, siêu trọng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đại dịch Covid-19

Năm 2021, dịch Covid-19 lây lan trên diện rộng đã ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và hoạt động kinh doanh của Công ty nói riêng do nhiều địa phương (TP. Hồ Chí Minh, các tỉnh Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long, Miền Trung, TP. Hà Nội,...) phải thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16+, Chỉ thị 16 hoặc Chỉ thị 15 trong thời gian dài để kiểm soát dịch bệnh. Các biện pháp ngăn chặn nghiêm ngặt được áp dụng trên phạm vi rộng, giãn cách xã hội kéo dài dẫn đến đứt gãy lưu thông, sản xuất kinh doanh bị đình trệ. Hầu hết các hoạt động thương mại, lưu trú ăn uống phải đóng cửa; chỉ một số cơ sở lưu trú được phép cung cấp dịch vụ cho người bị cách ly có thể hoạt động cầm chừng.

Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá về tác động tổng thể của tình hình đối với hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các ảnh hưởng về tài chính, bao gồm khả năng thu hồi nợ và nhận thấy dịch Covid-19 đã ảnh hưởng rất lớn đến Công ty. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc không thể ước tính được một cách hợp lý các ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

6. Cấu trúc Công ty

Công ty con

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần 3D có trụ sở chính tại lầu 9, tòa nhà Capital Tower, số 6 Nguyễn Khắc Viện, phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 67,26%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các Công ty liên kết

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ phần sở hữu | Tỷ lệ quyền biểu quyết |
|------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|---------------|-------------------|------------------------|
| Công ty Cổ phần Xây dựng và Kỹ thuật H&B | 406 Ung Văn Khiêm, Phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh | Xây dựng | 44,44% | 44,44% | 44,44% |
| Công ty Cổ phần Beton 6 - Pro | Km 1877 Quốc lộ 1K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao | 35,00% | 35,00% | 35,00% |

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 108 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 175 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty chỉ có chi phí chuyển giao công nghệ bê tông cốt thép được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 240 tháng.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 – 25 |
| Máy móc và thiết bị | 05 – 10 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 – 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 – 07 |

9. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Máy móc và thiết bị | 05 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 05 - 08 |

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hoá, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hóa là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

14. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊTÔN 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---------------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 921.572.768 | 1.087.930.931 |
| Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) | 638.208.153 | 616.493.327 |
| Cộng | 1.559.780.921 | 1.704.424.258 |

Tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Phương Đông Việt Nam – Chi nhánh Phú Lâm có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính là 883.390.310 VND (số đầu năm là 882.507.397 VND) chỉ có thể giao dịch cho các nghiệp vụ liên quan đến Công trình Cầu Ông Bằng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | <i>72.011.893.790</i> | <i>72.011.893.790</i> |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp | 5.663.929.369 | 5.663.929.369 |
| Công ty Cổ phần Balance Holding | 795.808.195 | 795.808.195 |
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây Dựng Công nghiệp tại Tây Ninh | 670.041.556 | 670.041.556 |
| Công ty TNHH MTV 3D - Long Hậu | 64.882.114.670 | 64.882.114.670 |
| <i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i> | <i>255.465.750.912</i> | <i>252.409.958.897</i> |
| Ông Trần Nguyên Vũ | 33.012.400.000 | 33.012.400.000 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng 620 Bến Tre | 1.531.194.602 | 1.531.194.602 |
| Phải thu các khách hàng khác | 220.922.156.310 | 217.866.364.295 |
| Cộng | <u>327.477.644.702</u> | <u>324.421.852.687</u> |

Các khoản phải thu khách hàng với số tiền là 57.912.483.419 VND và 70.349.700.883 VND đang được thế chấp lần lượt tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để đảm bảo cho các khoản vay (xem thuyết minh V.20a).

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| <i>Trả trước cho các bên liên quan</i> | <i>1.343.058.697</i> | <i>1.343.058.697</i> |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Đầu tư HB | 111.378 | 111.378 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp | 1.342.947.319 | 1.342.947.319 |
| <i>Trả trước cho người bán khác</i> | <i>71.251.261.870</i> | <i>71.071.472.710</i> |
| Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng và Xi măng HB | 55.000.000.000 | 55.000.000.000 |
| Các nhà cung cấp khác | 16.251.261.870 | 16.071.472.710 |
| Cộng | <u>72.594.320.567</u> | <u>72.414.531.407</u> |

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| <i>Cho bên liên quan vay</i> | <i>75.066.947.757</i> | <i>75.066.947.757</i> |
| Cho Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp vay ⁽ⁱ⁾ | 16.100.000.000 | 16.100.000.000 |
| Cho Công ty TNHH MTV 3D - Long Hậu vay ⁽ⁱⁱ⁾ | 58.866.947.757 | 58.866.947.757 |
| Công ty Cổ phần Balance Holding | 100.000.000 | 100.000.000 |
| <i>Cho các tổ chức khác vay</i> | <i>100.000.000</i> | <i>100.000.000</i> |
| Cho Công ty Cổ phần Xây dựng 620 - Bến Tre mượn | 100.000.000 | 100.000.000 |
| Cộng | <u>75.166.947.757</u> | <u>75.166.947.757</u> |

(i) Cho vay bổ sung vốn lưu động và phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất 7,8%/năm, thời hạn vay từ 01 đến 03 tháng.

(ii) Khoản cho Công ty TNHH MTV 3D – Long Hậu vay đã được lập dự phòng 100%.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Phải thu khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------|-------------------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Phải thu các bên liên quan | 42.058.885.890 | (36.418.098.778) | 42.058.885.890 | (29.689.153.515) |
| Công ty TNHH MTV 3D Long Hậu - lãi dự thu tiền cho vay | 29.689.153.515 | (29.689.153.515) | 29.689.153.515 | (29.689.153.515) |
| Ông Nguyễn Ngọc Dũng – tiền tạm ứng | 4.832.290.818 | - | 4.832.290.818 | - |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp - lãi vay phải thu | 6.728.945.263 | (6.728.945.263) | 6.728.945.263 | - |
| Công ty Cổ phần Xây dựng & Kỹ thuật H&B - ký quỹ thuê văn phòng | 808.496.294 | - | 808.496.294 | - |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | 19.064.887.190 | (2.196.504.179) | 19.130.656.833 | (2.196.504.179) |
| Công ty Cổ phần Xây dựng 620 Bến Tre - vay hộ và cổ tức phải thu | 2.196.504.179 | (2.196.504.179) | 2.196.504.179 | (2.196.504.179) |
| Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng và Xi măng HB - phải thu tiền chuyển nhượng cổ phần | 1.805.200.000 | - | 1.805.200.000 | - |
| Phải thu chuyển nhượng cổ phần | 8.000.000.000 | - | 8.000.000.000 | - |
| Tạm ứng | 4.860.232.626 | - | 4.793.542.855 | - |
| Phải thu lãi cho vay | 106.490.336 | - | 106.490.336 | - |
| Các khoản ký quỹ ngắn hạn | 422.200.000 | - | 422.200.000 | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 1.674.260.049 | - | 1.806.719.463 | - |
| Cộng | 61.123.773.080 | (38.614.602.957) | 61.189.542.723 | (31.885.657.694) |

5b. Phải thu dài hạn khác

Khoản ký quỹ hợp đồng thuê tài chính, đặt cọc thuê container và các khoản đặt cọc khác.

6. Nợ quá hạn

| | Thời gian quá hạn | Số cuối năm | | Thời gian quá hạn | Số đầu năm | |
|------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|----------------|---------------------------|---------------------------------------|----------------|---------------------------|
| | | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Công ty TNHH MTV 3D - Long Hậu – phải thu tiền bán hàng | Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm | - | - | Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm | - | - |
| | Quá hạn trên 3 năm | 64.882.114.670 | - | Quá hạn trên 3 năm | 50.648.576.999 | - |
| Công ty TNHH MTV 3D - Long Hậu – cho vay | Quá hạn trên 3 năm | 58.866.947.757 | - | Quá hạn trên 3 năm | 14.233.537.671 | - |
| Công ty TNHH MTV 3D - Long Hậu – phải thu lãi cho vay | Quá hạn trên 3 năm | 29.689.153.515 | - | Quá hạn trên 3 năm | 58.866.947.757 | - |
| Ông Trần Nguyễn Vũ - phải thu chuyển nhượng cổ phần | Quá hạn trên 3 năm | 33.012.400.000 | - | Quá hạn trên 3 năm | 29.689.153.515 | - |
| Công ty Cổ phần Xây Dựng Công Nghiệp | Quá hạn trên 3 năm | 58.587.291.225 | 30.094.416.593 | Quá hạn trên 3 năm | 33.012.400.000 | - |
| Công ty TNHH Đầu tư hạ tầng và xi măng HB | Quá hạn trên 3 năm | 55.000.000.000 | 55.000.000.000 | Quá hạn trên 3 năm | 57.945.437.892 | 30.094.416.593 |
| | | | | | 55.000.000.000 | 55.000.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Thời gian quá hạn | Số cuối năm | | Thời gian quá hạn | Số đầu năm | |
|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------|---------------------------|-------------------------------------------------|------------------------|---------------------------|
| | | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Phải thu cho vay | Quá hạn trên 3 năm | 2.296.504.179 | - | Quá hạn trên 3 năm | 2.296.504.179 | - |
| Phải thu các khách hàng khác về tiền bán hàng | Quá hạn từ dưới 6 tháng đến trên 3 năm | 193.824.784.070 | 69.978.821.817 | Quá hạn từ dưới 6 tháng đến trên 3 năm | 195.610.810.099 | 111.468.529.282 |
| Cộng | | 496.159.195.416 | 155.073.238.410 | | 497.303.368.112 | 196.562.945.875 |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|------------------------------|------------------------|------------------------|
| Số đầu năm | 300.740.422.237 | 163.784.495.663 |
| Trích lập dự phòng trong năm | 40.345.534.769 | 136.955.926.574 |
| Số cuối năm | 341.085.957.006 | 300.740.422.237 |

7. Hàng tồn kho

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|-----------------------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 4.097.840.459 | (1.192.465.184) | 7.311.715.177 | (1.192.465.184) |
| Công cụ, dụng cụ | 11.237.292 | - | 36.801.363 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 31.260.134.717 | - | 31.185.997.514 | - |
| Thành phẩm | 21.373.806.417 | (2.314.806.206) | 38.518.351.185 | (2.314.806.206) |
| Hàng hóa | 594.830.448 | - | 635.910.524 | - |
| Cộng | 57.337.849.333 | (3.507.271.390) | 77.688.775.763 | (3.507.271.390) |

8. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí chuyển giao công nghệ bê tông cốt thép | 2.576.910.000 | 2.787.270.000 |
| Chi phí công cụ, dụng cụ | - | 106.666.676 |
| Chi phí bảo hiểm | - | 1.810.160 |
| Cộng | 2.576.910.000 | 2.895.746.836 |

9. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|------------------------------------------------------|---------------------------|------------------------|---------------------------------------|---------------------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 114.033.729.250 | 52.894.407.549 | 9.527.019.747 | 2.110.513.506 | 178.565.670.052 |
| Tăng do mua lại tài sản cố định thuê tài chính | - | - | 10.801.561.506 | - | 10.801.561.506 |
| Thanh lý, nhượng bán trong năm | - | (7.843.233.148) | - | - | (7.843.233.148) |
| Số cuối năm | 114.033.729.250 | 45.051.174.401 | 20.328.581.253 | 2.110.513.506 | 181.523.998.410 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 1.019.087.681 | 40.061.972.871 | 8.981.789.186 | 2.110.513.506 | 52.173.363.244 |
| Chờ thanh lý | - | - | - | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊTÔNG 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|------------------------------------------------------|---------------------------|------------------------|---------------------------------------|---------------------------------|------------------------|
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | 13.940.156.156 | 50.721.508.346 | 8.986.059.615 | 2.110.513.506 | 75.758.237.623 |
| Khấu hao trong năm | 4.450.493.026 | 891.751.767 | 526.192.192 | | 5.868.436.985 |
| Khấu hao tài sản hình thành từ quỹ phúc lợi | 70.092.636 | - | - | - | 70.092.636 |
| Tăng do mua lại tài sản cố định thuê tài chính | - | - | 7.281.047.603 | - | 7.281.047.603 |
| Thanh lý, nhượng bán trong năm | - | (7.843.233.148) | - | - | (7.843.233.148) |
| Số cuối năm | 18.460.741.818 | 43.770.026.965 | 16.793.299.410 | 2.110.513.506 | 81.134.581.699 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 100.093.573.094 | 2.172.899.203 | 540.960.132 | - | 102.807.432.429 |
| Số cuối năm | 95.572.987.432 | 1.281.147.436 | 3.535.281.843 | - | 100.389.416.711 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - | - |

Tài sản cố định hữu hình là máy móc thiết bị có giá trị còn lại theo sổ sách là 1.164.444.690 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh V.20a).

10. Tài sản cố định thuê tài chính

| | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Cộng |
|------------------------------------------|------------------------|------------------------------------|----------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 2.498.685.762 | 10.766.193.506 | 13.264.879.268 |
| Mua lại tài sản cố định thuê tài chính | | (10.766.193.506) | (10.766.193.506) |
| Số cuối năm | 2.498.685.762 | - | 2.498.685.762 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 1.376.685.762 | - | 1.376.685.762 |
| Chờ thanh lý | - | - | - |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | 1.708.238.133 | 6.044.592.253 | 7.752.830.386 |
| Khấu hao trong năm | 389.733.350 | 1.236.455.350 | 1.626.188.700 |
| Mua lại tài sản cố định thuê tài chính | | (7.281.047.603) | (7.281.047.603) |
| Số cuối năm | 2.097.971.483 | - | 2.097.971.483 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 790.447.629 | 4.721.601.253 | 5.512.048.882 |
| Số cuối năm | 400.714.279 | - | 400.714.279 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------------------------|----------------------|----------------------|
| Hạng mục mở rộng sân bãi | 8.586.545.434 | 8.586.545.434 |
| Hạng mục dự án nhà Châu Thới | 407.245.773 | 407.245.773 |
| Cộng | 8.993.791.207 | 8.993.791.207 |

12. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | | | |
|-------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|-------------|----------------|------------------------------------------|-------------|----------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị hợp lý | Giá gốc | Dự phòng | Giá trị hợp lý |
| Đầu tư vào Công ty con | | | | | | |
| Công ty Cổ phần 3D ⁽ⁱ⁾ | 118.460.048.000 (118.460.048.000) | | | 118.460.048.000 (118.460.048.000) | | |
| Đầu tư vào công ty liên kết | | | | | | |
| Công ty Cổ phần Xây dựng và Kỹ thuật H&B ⁽ⁱⁱ⁾ | 201.050.000.000 (325.838.053) | | | 201.050.000.000 (986.995.250) | | |
| Công ty Cổ phần Beton 6 – Pro ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | 1.050.000.000 (19.986.646) | | | 1.050.000.000 - | | |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | | | | | |
| Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu & Xây dựng công trình (Tranimexco) | 2.050.000.000 (1.375.000.000) | 675.000.000 | | 2.050.000.000 (1.645.000.000) | 405.000.000 | |
| Công ty Cổ phần Balance Holding ^(iv) | 32.830.800.000 (332.649.240) | | | 32.830.800.000 (359.304.607) | | |
| Cộng | 354.390.848.000 (120.493.535.293) | | | 354.390.848.000 (121.451.347.857) | | |

(i) Công ty đã mua 8.071.432 cổ phiếu của Công ty Cổ phần 3D – Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302407923 với giá mua là 118.460.048.000 VND bằng việc cần trừ công nợ phải thu từ Hợp đồng hợp tác đầu tư số 11/HDTDT/BT6-TV ngày 11 tháng 11 năm 2014 với Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Phát triển Tân Việt và công nợ cá nhân Ông Vũ Đức Lợi. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 8.071.432 cổ phiếu, tương đương 67,26% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần 3D. Công ty đã dự phòng 100% cho khoản đầu tư này do đánh giá không có khả năng thu hồi từ tài sản thuần hiện có của Công ty Cổ phần 3D.

(ii) Theo thỏa thuận cổ đông sáng lập ngày 27 tháng 12 năm 2016 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314174864 ngày 28 tháng 12 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây dựng và Kỹ thuật H&B 200.000.000.000 VND, tương đương 44,44% vốn điều lệ bằng hiện vật (tài sản) thuộc quyền sở hữu của Công ty theo giá trị định giá tại thời điểm ký Biên bản thỏa thuận cổ đông sáng lập là 200.000.000.000 VND.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702772228 đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 5 năm 2019 đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 22 tháng 04 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Beton 6 - Pro 1.050.000.000 VND, tương đương 35% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 1.050.000.000 VND, tương đương 35% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (iv) Công ty đã mua 1.250.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Balance Holding với giá mua là 32.830.800.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 1.250.000 cổ phiếu, tương đương 13,94% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Balance Holding.

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên kết

Công ty Cổ phần 3D hiện đã ngưng hoạt động. Các công ty con và công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|------------------------------|------------------------|------------------------|
| Số đầu năm | 121.451.347.857 | 121.188.391.491 |
| Trích lập dự phòng trong năm | - | 262.956.366 |
| Hoàn nhập trong năm | (957.812.564) | - |
| Số cuối năm | <u>120.493.535.293</u> | <u>121.451.347.857</u> |

Giao dịch với các công ty liên kết

Công ty chỉ phát sinh giao dịch với Công ty Cổ phần Beton 6 - Pro là công ty liên kết như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|------------------|----------------|---------------|
| Vay | 2.755.000.000 | - |
| Cung cấp dịch vụ | 12.998.554.475 | 5.316.484.563 |
| Lãi vay | 135.767.333 | 265.261.999 |

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng được chuyển sang trừ vào thu nhập chịu thuế các năm sau. Chi tiết lỗ tính thuế chưa ghi nhận như sau:

| | |
|-------------|-------------------------------|
| Năm 2017 | 89.579.525.559 |
| Năm 2018 | 322.384.198.348 |
| Năm 2019 | 81.524.658.976 |
| Năm 2020 | 254.076.969.245 |
| Năm 2021 | 42.286.715.101 |
| Cộng | <u>789.852.067.229</u> |

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

14. Phải trả người bán ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Phải trả bên liên quan | 4.608.793.335 | 4.608.793.335 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng & Kỹ thuật H&B | 2.097.222.475 | 2.097.222.475 |
| Công ty Cổ phần Beton 6 E&C | 2.511.570.860 | 2.511.570.860 |
| Phải trả các tổ chức và cá nhân khác | 127.558.220.427 | 126.182.715.250 |
| Công ty Cổ phần Công Nghệ Việt Ân | 11.866.934.786 | 11.866.934.786 |
| Công ty TNHH Một Thành Viên Hoàng Mã | 1.093.312.329 | 1.093.312.329 |
| Các nhà cung cấp khác | 114.597.973.312 | 113.222.468.135 |
| Cộng | <u>132.167.013.762</u> | <u>130.791.508.585</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty có khoản phải trả người bán ngắn hạn với số tiền 43.265.151.403 VND đã quá hạn thanh toán và đang có tranh chấp.

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <i>Trả trước của bên liên quan</i> | <i>14.809.020.081</i> | <i>13.157.793.738</i> |
| Công ty Cổ phần Beton6 - Pro | 4.918.684.609 | 3.038.094.531 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp | 9.669.837.270 | 9.669.837.270 |
| Công ty Cổ phần Beton 6 E&C | 220.498.202 | 449.861.937 |
| <i>Trả trước của các khách hàng khác</i> | <i>34.191.832.963</i> | <i>34.361.582.963</i> |
| Tổng công ty Đầu tư Phát triển và Quản lý Dự án Hạ tầng Giao thông Cửu Long | 7.530.880.117 | 7.530.880.117 |
| Ban Quản lý Dự Án Nâng cấp Đô thị Thành phố Cao Lãnh | 4.996.646.467 | 4.996.646.467 |
| Trả trước của các khách hàng khác | 21.664.306.379 | 21.834.056.379 |
| Cộng | 49.000.853.044 | 47.519.376.701 |

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | | Số phát sinh trong năm | | Số cuối năm | |
|-------------------------------------------|-----------------------|------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|------------------|
| | Phải nộp | Phải thu | Số phải nộp | Số đã thực nộp | Phải nộp | Phải thu |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa ⁽¹⁾ | 9.222.075.208 | - | 2.315.823.900 | (4.601.000.000) | 6.936.899.108 | - |
| Thuế xuất, nhập khẩu | - | 1.326.300 | - | - | - | 1.326.300 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | 8.139.694 | - | - | - | 8.139.694 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 2.267.590.833 | - | 92.941.697 | - | 2.360.532.530 | - |
| Tiền thuế đất | 5.897.286.140 | - | 1.274.652.347 | (1.388.126.296) | 5.783.812.191 | - |
| Các loại thuế khác | 5.134.700 | - | 3.000.000 | (3.000.000) | 5.134.700 | - |
| Cộng | 17.392.086.881 | 9.465.994 | 3.686.417.944 | (5.992.126.296) | 15.086.378.529 | 9.465.994 |

- ⁽¹⁾ Quyết định số 4337/QĐ-CTBDU của Cục thuế tỉnh Bình Dương về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng để thi hành thông báo tiền thuế nợ, tiền phạt và tiền phạt chậm nộp số 63015/TB-CTBDU ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Cục thuế tỉnh Bình Dương. Quyết định này có hiệu lực thi hành thời hạn 01 năm, kể từ ngày 23 tháng 12 năm 2021 đến 22 tháng 12 năm 2022. Công ty tiếp tục được sử dụng các hóa đơn trong ứng với việc thanh toán khoản nợ thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- | | |
|---------------------------------------------------------------|-----------------|
| - Thi công công trình cho các dự án ODA | Không chịu thuế |
| - Sản phẩm bê tông, công trình xây dựng và dịch vụ vận chuyển | 10% |
| - Hàng hóa khác | 05% - 10% |

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | (82.142.985.361) | (261.646.956.986) |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 39.856.270.260 | 7.569.987.741 |
| Thu nhập tính thuế | (42.286.715.101) | (254.076.969.245) |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | - | - |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 221.577,20 m² đất đang sử dụng tại Km 1877 Quốc lộ 1K, phường Bình An, Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương với mức 8.459 VND/m².

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 12 năm 2021 còn phải trả cho người lao động.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Phải trả các bên liên quan | 1.529.973.389 | 1.601.448.877 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng & Kỹ thuật H&B - lãi vay phải trả | 747.890.645 | 747.890.645 |
| Công ty Cổ phần xây dựng đầu tư HB – lãi vay phải trả | 182.071.233 | 182.071.233 |
| Công ty Cổ phần Beton 6 - Pro – lãi vay phải trả | 135.767.333 | 265.261.999 |
| Công ty Cổ phần Beton 6 E&C – lãi vay phải trả | 464.244.178 | 406.225.000 |
| Phải trả các tổ chức và cá nhân khác | 13.456.212.989 | 12.735.306.005 |
| Chi phí lãi vay | 26.896.578 | 26.896.578 |
| Chi phí công trình | 12.711.515.411 | 12.622.005.427 |
| Các chi phí phải trả ngắn hạn khác | 717.801.000 | 86.404.000 |
| Cộng | 14.986.186.378 | 14.336.754.882 |

19. Phải trả khác

19a. Phải trả ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Phải trả các bên liên quan | 1.281.037.682 | 1.281.037.682 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Đầu tư HB - chi phí lãi vay | 39.433.333 | 39.433.333 |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp - chi phí lãi vay | 697.289.016 | 697.289.016 |
| Công ty Cổ phần Balance Holding- chi phí lãi vay | 164.315.333 | 164.315.333 |
| Ông Trịnh Thanh Huy – tiền mượn | 290.000.000 | 290.000.000 |
| Công ty Cổ phần Beton 6 E&C – đặt cọc tiền thuê nhà xưởng | 90.000.000 | 90.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| <i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | 407.668.628.727 | 387.388.130.321 |
| Kinh phí công đoàn | 613.087.137 | 563.847.687 |
| Bảo hiểm xã hội | 360.362.435 | 468.951.408 |
| Bảo hiểm y tế | 114.011.287 | 132.261.249 |
| Bảo hiểm thất nghiệp | 29.897.878 | 44.287.603 |
| Cổ tức phải trả | 272.532.512 | 272.532.512 |
| Công ty TNHH Đầu tư HB – phải trả cần trừ từ hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp | 194.983.986.667 | 194.983.986.667 |
| Công ty Italian-Thai Development Public Company Limited | - | 11.141.141.969 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao - tạm nhập cọc ống | 4.807.961.757 | 4.807.961.757 |
| Lãi vay phải trả ngân hàng ^(*) | 193.998.722.713 | 162.233.934.597 |
| Tiền mượn cá nhân | 135.000.000 | 135.000.000 |
| Khoản lãi phạt do nợ quá hạn phải trả các nhà cung cấp | 6.420.632.414 | 6.587.762.300 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 5.932.433.927 | 6.016.462.572 |
| Cộng | <u>408.949.666.409</u> | <u>388.579.168.003</u> |

(*) Lãi vay phải trả ngân hàng số tiền 99.931.666.446 được chuyển giao cho bà Nguyễn Thị Lan Anh để tiếp tục thu hồi nợ kể từ ngày 04 tháng 01 năm 2022 (Xem thuyết minh số VII.4).

19b. Phải trả khác quá hạn chưa thanh toán

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Công ty TNHH Đầu tư HB – phải trả cần trừ từ hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp | 194.983.986.667 | 194.983.986.667 |
| Lãi vay phải trả ngân hàng | 193.998.722.713 | 162.233.934.597 |
| Cộng | <u>388.982.709.380</u> | <u>357.217.921.264</u> |

20. Vay và nợ thuê tài chính

20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| <i>Vay ngắn hạn phải trả bên liên quan</i> | 1.587.000.000 | 4.567.000.000 |
| Công ty Cổ phần Beton 6 - Pro | - | 2.980.000.000 |
| Ông Phạm Văn Hiên | 87.000.000 | 87.000.000 |
| Công ty Cổ phần Beton 6 E&C ⁽ⁱ⁾ | 1.500.000.000 | 1.500.000.000 |
| <i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | 339.211.031.016 | 339.274.597.260 |
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 336.809.666.333 | 336.809.666.333 |
| Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾ | 180.271.002.338 | 180.271.002.338 |
| Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | 63.097.934.721 | 63.097.934.721 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(iv) | 63.771.084.251 | 63.771.084.251 |
| Ngân hàng TMCP Quốc Dân ^(v) | 29.669.645.023 | 29.669.645.023 |
| Vay ngắn hạn các tổ chức khác | 2.112.025.035 | 800.000.000 |
| Ông Trần Thiên Châu | 800.000.000 | 800.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Bà Nguyễn Thị Lan Anh | 1.312.025.035 | - |
| Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b) | 289.339.648 | 1.664.930.927 |
| Cộng | 340.798.031.016 | 343.841.597.260 |

- (i) Vay tín chấp Công ty Cổ phần Beton 6 E&C để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 7,8%/năm.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 1, TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu khách hàng (xem thuyết minh số V.2).
- (iii) Khoản vay tín chấp Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam để bổ sung vốn lưu động.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu khách hàng (xem thuyết minh số V.2) và một số tài sản cố định (xem thuyết minh số V.9).
- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc Dân để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền đòi nợ đã hình thành hoặc hình thành trong tương lai từ các hợp đồng thi công cung ứng sản phẩm với lãi suất 8,5%/năm.

Công ty không có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn do Công ty đang gặp khó khăn về tài chính nên chưa có luồng tiền để thanh toán.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u> | <u>Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn trong năm</u> | <u>Số tiền vay đã trả trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|------------------------------------------|------------------------|----------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------|------------------------|
| Vay ngắn hạn bên liên quan | 4.567.000.000 | 2.755.000.000 | - | (5.735.000.000) | 1.587.000.000 |
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 336.809.666.333 | - | - | - | 336.809.666.333 |
| Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác | 800.000.000 | 1.312.025.035 | - | - | 2.112.025.035 |
| Nợ thuê tài chính đến hạn trả | 1.664.930.927 | - | 161.803.210 | (1.537.394.489) | 289.339.648 |
| Cộng | 343.841.597.260 | 4.067.025.035 | 161.803.210 | (7.272.394.489) | 340.798.031.016 |

20b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Nợ thuê tài chính | - | 161.803.210 |
| Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu | - | 115.184.181 |
| Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam | - | 46.619.029 |
| Cộng | - | 161.803.210 |

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán các khoản nợ thuê tài chính (đã bao gồm lãi) như sau:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------------|--------------------|----------------------|
| Từ 1 năm trở xuống | 297.984.026 | 1.738.785.334 |
| Trên 1 năm đến 5 năm | - | 162.144.443 |
| Cộng | 297.984.026 | 1.900.929.777 |

Chi tiết số phát sinh về khoản nợ thuê tài chính dài hạn trong năm như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------------------------|---------------|--------------------|
| Số đầu năm | 161.803.210 | 1.730.489.670 |
| Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn trong năm | (161.803.210) | (1.568.686.460) |
| Số cuối năm | - | 161.803.210 |

20c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Khoản gốc vay Ngân hàng ngắn hạn với số tiền 336.809.666.333 VND đã quá hạn thanh toán do Công ty đang gặp khó khăn về tài chính nên chưa có luồng tiền để thanh toán.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | Số đầu năm | Giảm khác | Số cuối năm |
|--------------------------------------------|----------------------|---------------------|----------------------|
| Quỹ khen thưởng | 886.350.519 | - | 886.350.519 |
| Quỹ phúc lợi | 19.981.325 | - | 19.981.325 |
| Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định | 330.711.133 | (70.092.636) | 260.618.497 |
| Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành | 874.635.713 | - | 874.635.713 |
| Cộng | 2.111.678.690 | (70.092.636) | 2.041.586.054 |

22. Vốn chủ sở hữu

22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|-----------------------------|------------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------------------|--------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 329.935.500.000 | (559.957.325) | 72.523.342.462 | (424.608.155.951) | (22.709.270.814) |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | - | (261.646.956.986) | (261.646.956.986) |
| Số dư cuối năm trước | 329.935.500.000 | (559.957.325) | 72.523.342.462 | (686.255.112.937) | (284.356.227.800) |
| Số dư đầu năm nay | 329.935.500.000 | (559.957.325) | 72.523.342.462 | (686.255.112.937) | (284.356.227.800) |
| Lợi nhuận trong năm nay | - | - | - | (82.142.985.361) | (82.142.985.361) |
| Số dư cuối năm nay | 329.935.500.000 | (559.957.325) | 72.523.342.462 | (768.398.098.298) | (366.499.213.161) |

22b. Cổ phiếu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------------------------------|-------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 32.993.550 | 32.993.550 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 32.993.550 | 32.993.550 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 32.993.550 | 32.993.550 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | 88.040 | 88.040 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 88.040 | 88.040 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 32.905.510 | 32.905.510 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 32.905.510 | 32.905.510 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

23a. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền của Công ty bao gồm 254.63 USD (số đầu năm là 536.11 USD).

23b. Nợ khó đòi đã xử lý

Công ty có các khoản nợ phải thu tại ngày kết thúc năm tài chính là 10.985.834.894 VND (số đầu năm là 10.985.834.894 VND) đã được xóa sổ do không có khả năng thu hồi.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Doanh thu hoạt động xây dựng | - | 7.608.422.727 |
| Doanh thu sản phẩm bê tông | 43.372.085.931 | 77.704.237.928 |
| Doanh thu khác | 3.189.950.746 | 4.324.001.904 |
| Cộng | <u>46.562.036.677</u> | <u>89.636.662.559</u> |

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.12, Công ty còn phát sinh giao dịch cho thuê nhà xưởng, máy móc thiết bị cho Công ty Cổ phần Beton 6 E&C với số tiền là 715.797.965 VND (năm trước không phát sinh).

2. Giá vốn hàng bán

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--------------------------------|------------------------------|-------------------------------|
| Giá vốn của hoạt động xây dựng | - | 19.728.766.729 |
| Giá vốn của sản phẩm bê tông | 51.520.349.226 | 118.831.137.003 |
| Giá vốn khác | 677.922.672 | 1.400.267.650 |
| Cộng | <u>52.198.271.898</u> | <u>139.960.171.382</u> |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|------------------------------------|--------------------------|-----------------------------|
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 29.457.217 | 38.311.959 |
| Lãi tiền cho vay | - | 1.276.730.000 |
| Doanh thu hoạt động tài chính khác | 36.672 | - |
| Cộng | <u>29.493.889</u> | <u>1.315.041.959</u> |

4. Chi phí tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------------------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí lãi vay | 32.066.719.583 | 54.204.168.010 |
| (Hoàn nhập)/Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | (957.812.564) | 262.956.366 |
| Cộng | <u>31.108.907.019</u> | <u>54.467.124.376</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊTÔNG 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|------------------------|
| 5. Chi phí quản lý doanh nghiệp | | |
| Chi phí cho nhân viên | 3.528.786.530 | 7.984.197.930 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 105.170.543 | 180.729.624 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | - | 2.902.779 |
| Dự phòng phải thu khó đòi | 40.345.534.769 | 136.955.926.574 |
| Xóa sổ nợ phải thu khó đòi | - | 6.412.111.951 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | - | 24.659.090 |
| Các chi phí khác | 2.396.686.757 | 4.365.582.649 |
| Cộng | 46.376.178.599 | 155.926.110.597 |
| 6. Thu nhập khác | | |
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 834.300.000 | 645.287.374 |
| Thu từ các khoản nợ không phải trả | - | 163.746 |
| Thu nhập khác | 167.130.413 | |
| Cộng | 1.001.430.413 | 645.451.120 |
| 7. Chi phí khác | | |
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Phạt nộp chậm BHXH, thuế và vi phạm hành chính | 52.588.824 | 32.079.007 |
| Phạt vi phạm hợp đồng | - | 165.537.870 |
| Lãi phạt trả chậm nợ nhà cung cấp | - | 1.589.836.245 |
| Nợ không thu hồi được | - | 403.626.644 |
| Các khoản chi phí khác | - | 699.626.502 |
| Cộng | 52.588.824 | 2.890.706.269 |
| 8. Lãi trên cổ phiếu | | |
| 8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | | |
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | (82.142.985.361) | (261.646.956.986) |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | (82.142.985.361) | (261.646.956.986) |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 32.905.510 | 32.905.510 |
| Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | (2.496) | (7.951) |
| 8b. Thông tin khác | | |
| Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này. | | |
| 9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố | | |
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 5.462.877.061 | 49.488.613.233 |
| Chi phí nhân công | 15.750.554.416 | 33.017.583.457 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 7.494.625.685 | 8.637.198.097 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.600.952.855 | 2.224.315.082 |
| Chi phí khác | 51.153.952.839 | 161.698.719.329 |
| Cộng | 81.462.962.856 | 255.066.429.198 |

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Trong năm Công ty cũng không phát sinh giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (năm trước chỉ có giao dịch về mượn tiền thành viên chủ chốt với số tiền là 200.000.000 VND).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.5a, V.19a và V.20a.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm chỉ có tiền lương với số tiền là 971.627.437 VND (năm trước là 1.392.826.087 VND).

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| Bên liên quan khác | Mối quan hệ |
|------------------------------------------|---------------------------------------------|
| Công ty Cổ phần 3D | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Xây dựng và Kỹ thuật H&B | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Beton 6 - Pro | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Đầu tư HB | Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp | Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt |
| Công ty Cổ phần Balance Holding | Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt |
| Công ty Cổ phần Beton 6 E&C | Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt |
| Công ty TNHH MTV 3D Long Hậu | Công ty con của Công ty Cổ phần 3D |

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.12 và VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---------------------------------------------|------------|---------------|
| Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp | | |
| Lãi vay | - | 1.276.730.000 |
| Công ty Cổ phần Beton 6 E&C | | |
| Lãi vay | 58.019.178 | - |

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.3, V.4, V.5a, V.14, V.15, V18, V.19a và V.20a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực xây dựng: xây dựng công trình.
- Lĩnh vực sản xuất: sản xuất bê tông các loại như: cọc ống, cọc vuông, dầm, ván ép.
- Lĩnh vực khác: bán vật tư, dịch vụ lao phồng và vận chuyển.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Thông tin về hoạt động liên tục

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 Công ty tiếp tục bị lỗ 82.142.985.361 VND và khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 768.398.098.298 VND. Ngoài ra, tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 714.064.711.476 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ngày 09 tháng 12 năm 2019 Công ty đã có đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản gửi Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương do Công ty đã bị mất khả năng thanh toán và không có khả năng để thanh toán những khoản nợ đến hạn cho các chủ nợ là các tổ chức tín dụng và nhà cung cấp, đối tác. Ngày 16 tháng 01 năm 2020, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã có Quyết định số 01/2020/QĐ-MTTPS về việc mở thủ tục phá sản đối với Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊT ON 6

Địa chỉ: Km 1877 Quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngày 04 tháng 01 năm 2022, toàn bộ khoản nợ gốc và lãi của ngân hàng Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh được chuyển giao cho bà Nguyễn Thị Lan Anh quản lý để thu hồi nợ theo hợp đồng mua bán nợ số 33/2021/DATC-NTLA ngày 15 tháng 12 năm 2021.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Bình Dương, ngày 07 tháng 7 năm 2022



Nguyễn Thị Ngọc Trâm
Kế toán trưởng/Người lập



Lê Nguyễn Phương
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

| Năm nay | Lĩnh vực xây dựng | Lĩnh vực sản xuất | Lĩnh vực khác | Các khoản loại trừ | Cộng |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|--------------------|-------------------------|
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | - | 43.667.176.616 | 2.894.860.061 | - | 46.562.036.677 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | - | - | - | - | - |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | - | 43.667.176.616 | 2.894.860.061 | - | 46.562.036.677 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | - | (7.853.172.610) | 2.216.937.389 | - | (5.636.235.221) |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | - | - | - | - | (46.376.178.599) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | - | - | - | - | (52.012.415.820) |
| Doanh thu hoạt động tài chính | - | - | - | - | 29.493.889 |
| Chi phí tài chính | - | - | - | - | (31.108.907.019) |
| Thu nhập khác | - | - | - | - | 1.001.430.413 |
| Chi phí khác | - | - | - | - | (52.588.824) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | - | - | - | - | - |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | - | - | - | - | - |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | - | - | - | - | (82.142.985.361) |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | - | (35.368.000) | - | - | (35.368.000) |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | - | - | 70.092.636 | - | 7.883.555.157 |
| Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn) | 8.529.908.522 | 17.555.956.960 | 14.259.669.287 | - | 40.345.534.769 |



CÔNG TY CỔ PHẦN BÉTON 6

Địa chỉ: Km 1877 quốc lộ 1 K, phường Bình An, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

| | Lĩnh vực xây dựng | Lĩnh vực sản xuất | Lĩnh vực khác | Các khoản loại trừ | Cộng |
|----------------------------------------|-------------------|-------------------|----------------|--------------------|------------------------|
| Số cuối năm | | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 107.377.900.242 | 60.243.534.049 | 13.804.922.180 | - | 181.426.356.471 |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | - | 100.531.869.108 | 258.261.882 | - | 100.790.130.990 |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | - | - | - | - | 316.025.564.812 |
| Tổng tài sản | | | | | 598.242.052.273 |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 53.518.621.514 | 40.445.981.117 | 17.434.306.043 | - | 111.398.908.674 |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | - | - | - | - | - |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | - | - | - | - | 853.342.356.760 |
| Tổng nợ phải trả | | | | | 964.741.265.434 |
| Số đầu năm | | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 119.069.894.848 | 102.670.944.886 | 46.593.948.973 | - | 268.334.788.707 |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | - | 107.991.126.788 | 328.354.523 | - | 108.319.481.311 |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | - | - | - | - | 286.162.449.855 |
| Tổng tài sản | | | | | 662.816.719.873 |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 53.429.111.530 | 41.954.327.701 | 13.250.628.316 | - | 108.634.067.547 |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | - | - | - | - | - |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | - | - | - | - | 838.538.880.126 |
| Tổng nợ phải trả | | | | | 947.172.947.673 |



Nguyễn Thị Ngọc Trâm
 Kế toán trưởng/Người lập



Nguyễn Phương
 Tổng Giám đốc

